TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 109/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 7 - 2019
V/v anh Th xin ly hôn chị Th

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019. Về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn Th - Sinh năm 1978
Địa chỉ: Đội 15, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1984
Địa chỉ: Đội 15, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt anh Th, vắng mặt chị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/3/2019 cũng như lời khai anh Đoàn Văn Th trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Th vào tháng 02/2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh và chị Th chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian

ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 02/2003 đến nay anh và chị Th sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn nên anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Th. Về con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Th không có nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Th thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà chị Nguyễn Thị Th vắng mặt, nhưng có lời khai của ông Nguyễn Văn Th là bố đẻ của chị Th trình bày đúng như lời khai của anh Đoàn Văn Th về việc kết hôn giữa chị Th và anh Th. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Th phát sinh nguyên nhân là do anh Th không tôn trọng chị Th và hay đánh chửi chị Th. Từ năm 2003 đến nay chị Th và anh Th đã sống ly thân nhau. Nay anh Th xin ly hôn chị Th nhưng do điều kiện công việc bận chị Th không về Tòa án giải quyết vụ án được và qua ông chị Th đề nghị với Tòa án là chị Th cũng nhất trí ly hôn anh Th; về con chung giữa chị Th và anh Th không có, về tài sản chung giữa chị Th và anh Th thì chị Th không yêu cầu giải quyết. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Th và ông nhận thay chị Th và ông đã giao đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng cho chị Nguyễn Thị Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa anh Đoàn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc anh Th phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Nay anh Th xin ly hôn chị Th và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý

giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Th vắng mặt nhưng chị Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Đoàn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th được tổ chức kết hôn vào tháng 02/2002, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh Th và chị Th chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Từ tháng 02/2003 đến nay anh Th và chị Th đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa giữa anh Th và chị Th đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh Th xin được ly hôn chị Th nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Đoàn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th không có con chung và không yêu cầu xem xét giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh Đoàn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Đoàn Văn Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa anh Đoàn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm anh Đoàn Văn Th phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Đoàn Văn Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0000653 ngày 22/3/2019 tại Chi cục Th hành án dân sự huyện N. Anh Đoàn Văn Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Th, vắng mặt chị Th. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án và người phải Th hành án có quyền thoả thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hò sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng **Đàm Văn Kiều** **Trần Xuân Dũng**